

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG TIẾP CẬN GIÁO DỤC CỦA TRẺ EM KHUYẾT TẬT TẠI THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Trương Thị Xuân Nhi

Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: nhitruong@husc.edu.vn

Ngày nhận bài: 17/12/2021; ngày hoàn thành phản biện: 01/01/2022; ngày duyệt đăng: 4/4/2022

TÓM TẮT

Nghiên cứu trường hợp tại thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế mô tả thực tiễn tiếp cận giáo dục, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ đi học của trẻ khuyết tật tương đối thấp. Các em đang gặp nhiều khó khăn trong quá trình tiếp cận giáo dục, không chỉ xuất phát từ đặc điểm cá nhân mà còn chịu ảnh hưởng từ nhận thức của gia đình về khả năng học tập của trẻ em khuyết tật, sự đáp ứng chưa đầy đủ của hệ thống cơ sở giáo dục và dịch vụ xã hội trong việc đảm bảo việc tiếp cận giáo dục cho nhóm đối tượng này. Trên cơ sở đó, các giải pháp đưa ra tập trung vào việc hoàn thiện hệ thống chính sách quốc gia về giáo dục trẻ em khuyết tật; mở rộng mạng lưới cơ sở giáo dục; điều chỉnh chương trình giáo dục và phương pháp giảng dạy phù hợp với khả năng học tập và dạng tật; tăng cường nguồn nhân lực giáo dục cho các em cũng như cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức cho gia đình và cộng đồng về khả năng học tập và quyền giáo dục của trẻ em khuyết tật.

Từ khoá: giáo dục, nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục, trẻ em khuyết tật.

1. MỞ ĐẦU

Tiếp cận giáo dục là quyền cơ bản của con người, được ghi nhận và bảo đảm về mặt pháp lý ở các quốc gia [1]. Đối với trẻ em khuyết tật, tiếp cận giáo dục không chỉ là một quyền cơ bản mà còn giúp mở ra cơ hội việc làm và hoà nhập xã hội. Đây là nhóm đối tượng chịu nhiều thiệt thòi và nhận được nhiều sự quan tâm từ cộng đồng quốc tế và các quốc gia. Các văn kiện quốc tế như Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948); Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em (1989) và Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật (2006) đều nhấn mạnh rằng mọi trẻ em, trong đó có trẻ em khuyết tật, đều có quyền đi học bình đẳng và được tạo điều kiện để được hưởng

một nền giáo dục có chất lượng.

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới phê chuẩn Công ước về Quyền trẻ em của Liên Hợp Quốc năm 1990 và tham gia Công ước về Quyền của Người khuyết tật năm 2007. Qua đó, Việt Nam ghi nhận và cam kết đảm bảo trẻ em khuyết tật được hưởng mọi quyền con người, trong đó quyền được giáo dục luôn là một trong những quyền cơ bản và quan trọng nhất. Trong những năm qua, Chính phủ Việt Nam đã xây dựng hệ thống pháp luật nhằm đảm bảo quyền được giáo dục của trẻ em nói chung và trẻ em khuyết tật nói riêng. Cụ thể, Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em (năm 1991 và được sửa đổi năm 2004), Luật trẻ em (2016) đã nêu rõ trẻ em khuyết tật có quyền được giáo dục trên cơ sở bình đẳng về cơ hội, được hưởng đầy đủ quyền này mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào (Điều 44). Luật Người Khuyết tật (2010) - cơ sở pháp lý về quyền lợi của người khuyết tật ở Việt Nam quy định rằng trẻ em khuyết tật được tạo mọi điều kiện để tiếp cận giáo dục bình đẳng và chất lượng [8]. Để cụ thể hoá các chiến lược, chính sách, các chương trình, đề án về hỗ trợ người khuyết tật hoà nhập xã hội đã được triển khai tại các tỉnh thành trong cả nước. Cụ thể, Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2018 – 2025 với mục tiêu đến năm 2025 có 90% trẻ em khuyết tật được tiếp cận với các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cộng đồng; Chiến lược phát triển giáo dục 2012-2020 với mục tiêu đến năm 2020 có 70% trẻ em khuyết tật được đi học ở các cấp học từ tiểu học đến trung học phổ thông; Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030, mục tiêu đến năm 2030 đạt 90% trẻ em khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục [4; 5; 6].

Với những nỗ lực trên, Việt Nam đã đạt được một số kết quả nhất định trong việc thúc đẩy việc tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật trên khắp cả nước. Số lượng trẻ em khuyết tật đi học đã tăng gấp 10 lần từ năm 1996 đến năm 2015, hệ thống cơ sở giáo dục phù hợp với việc học tập của trẻ em khuyết tật không ngừng được cải thiện [10]. Tuy nhiên, thực tế cho thấy tỷ lệ trẻ em khuyết tật tiếp cận giáo dục vẫn còn quá thấp so với mục tiêu đề ra và so với các nhóm trẻ em khác [9]; trẻ em khuyết tật còn gặp nhiều khó khăn và rào cản trong việc tiếp cận giáo dục một cách phù hợp và bình đẳng [1; 3]. Do đó, việc nghiên cứu thực trạng và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật sẽ góp phần bổ sung vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách và đạt được các mục tiêu đã đề ra. Trên cơ sở đó, bài viết này tập trung làm rõ 2 nội dung (i) thực trạng tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật và (ii) một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật thông qua một nghiên cứu trường hợp tại thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện tại thị xã Hương Thủy, là địa bàn nằm ở phía Nam tỉnh Thừa Thiên Huế và liền kề với thành phố Huế. Địa bàn có đặc điểm khá đặc thù với 12 đơn vị hành chính trực thuộc được phân chia theo phường và xã, và là một trong những đơn vị có số lượng trẻ em khuyết tật cao của tỉnh. Theo số liệu thống kê từ Phòng Lao động - Thương binh và xã hội, thị xã Hương Thủy có tổng trẻ em khuyết tật là 253 trẻ, chiếm 1,9% trên tổng số trẻ em toàn thị xã vào năm 2021. Số lượng trẻ em khuyết tật hiện phân bố ở hầu hết các phường/xã của địa phương. Nghiên cứu lựa chọn 2 phường (Phú Bài, Thủy Phương) và 2 xã (Thủy Phù, Thủy Thanh) của thị xã Hương Thủy để thu thập các thông tin thực tế về chủ đề nghiên cứu trong thời gian từ tháng 03 đến tháng 11 năm 2021. Việc lựa chọn 4 địa điểm thu thập thông tin dựa trên 2 tiêu chí chính: đại diện của phường và xã, địa bàn có tỷ lệ trẻ em khuyết tật cao.

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp khác nhau để thu thập thông tin nghiên cứu. Phương pháp phỏng vấn cấu trúc được thực hiện với toàn bộ 113 gia đình có trẻ em khuyết tật từ 3 – 16 tuổi tại 4 địa bàn khảo sát theo danh sách được cán bộ địa phương cung cấp. Do một số gia đình trong danh sách đã chuyển đi nơi khác, hoặc từ chối tham gia, kết quả có 97 gia đình có trẻ em khuyết tật đã tham gia cuộc khảo sát. Nội dung khảo sát chủ yếu tập trung làm rõ các đặc điểm cá nhân và gia đình của trẻ, thực tế đi học của trẻ, thuận lợi và khó khăn trong quá trình trẻ tiếp cận giáo dục và nhu cầu cần hỗ trợ của gia đình nhằm nâng cao cơ hội đi học cho trẻ em khuyết tật.

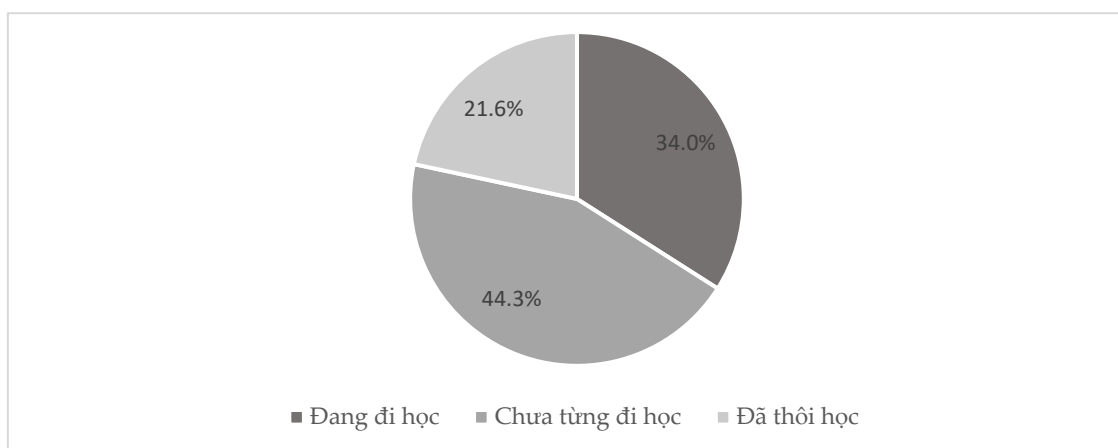
Phỏng vấn bán cấu trúc được thực hiện với 03 phụ huynh và 03 trẻ khuyết tật đang đi học, đã thôi học và chưa từng đi học tại các địa bàn nghiên cứu nhằm thu thập thông tin cụ thể về hoàn cảnh gia đình, những khó khăn trong việc tiếp cận giáo dục và nhận thức và nhu cầu cần hỗ trợ. Nghiên cứu cũng thực hiện phỏng vấn với 01 cán bộ Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội và 01 cán bộ văn hoá – xã hội tại phường Thủy Phương để làm rõ về các chương trình và hoạt động hỗ trợ giáo dục đối với trẻ em khuyết tật tại địa phương.

Các dữ liệu thu thập được từ phương pháp phỏng vấn cấu trúc được nhập vào phần mềm SPSS phiên bản 23. Tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích và trình bày các dữ liệu theo dạng tần suất và tỷ lệ phần trăm nhằm làm rõ đặc điểm của trẻ khuyết tật, thực trạng tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật tại địa bàn nghiên cứu. Dữ liệu định tính thu thập từ phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc được tác giả sắp xếp dựa trên việc lựa chọn các từ khoá thường lặp lại trong các ghi chép phỏng vấn. Các thông tin được sử dụng nhằm bổ sung và làm rõ cho kết quả phân tích định lượng.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật tại địa bàn nghiên cứu

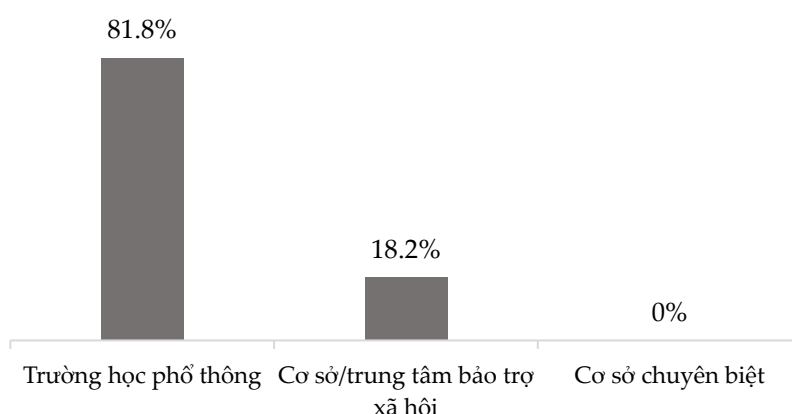
Kết quả phân tích thống kê mô tả trình bày ở Biểu đồ 1 cho thấy trong số 97 mẫu nghiên cứu, tỷ lệ trẻ em khuyết tật đang đi học chiếm 34,0%, tỷ lệ trẻ em chưa từng đi học chiếm đến 44,3%. Kết quả này cho thấy tỷ lệ đi học của trẻ em khuyết tật ở địa bàn nghiên cứu còn quá thấp so với mục tiêu đề ra trong các chương trình hỗ trợ giáo dục của quốc gia và tỉnh Thừa Thiên Huế; vẫn có tình trạng trẻ em khuyết tật đã đi học, nhưng thôi học với tỷ lệ đến 21,6%.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ trẻ em khuyết tật tại địa bàn nghiên cứu tiếp cận giáo dục

(Nguồn: Khảo sát thực tế, 2021)

Trong số các trẻ em khuyết tật đi học, có đến 81,8% đang theo học tại các trường tiểu học và phổ thông tại địa phương, chỉ có 18,2% đang học tập tại các cơ sở hoặc trung tâm bảo trợ xã hội và không có trẻ em nào đang đi học tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ trẻ em khuyết tật đi học tại các loại hình cơ sở giáo dục

(Nguồn: Khảo sát thực tế, 2021)

Tại thời điểm nghiên cứu, trên toàn thị xã Hương Thủy có 59 trường học phổ thông (29 trường mầm non, 16 trường tiểu học, 12 trường trung học cơ sở và 2 trường trung học phổ thông) đang cung cấp dịch vụ giáo dục chung cho toàn trẻ em trên địa bàn. Không có trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập hay các trung tâm/cơ sở giáo dục tư nhân dành riêng cho trẻ em khuyết tật trên địa bàn. Chia sẻ từ cán bộ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, “trẻ em khuyết tật có thể tham gia học tập tại hệ thống trường mầm non đến trung học phổ thông tại địa phương hoặc các cơ sở/trung tâm chuyên biệt ở địa bàn thành phố Huế” [PVBCT 02]. Số liệu điều tra quốc gia về người khuyết tật năm 2016 cũng cho thấy hầu hết trẻ em khuyết tật tham gia học tại các cơ sở giáo dục phổ thông ở các lớp học hòa nhập [8]. Điều này cho thấy tầm quan trọng của các cơ sở giáo dục phổ thông trong việc thúc đẩy cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ em khuyết tật.

3.2. Khó khăn trong quá trình tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật

Kết quả nghiên cứu trình bày ở Bảng 1 cho thấy, trẻ em khuyết tật tại địa bàn nghiên cứu ở các nhóm đang đi học, đã nghỉ học và chưa từng đi học gặp phải các khó khăn trong việc tiếp cận giáo dục.

Đối với các trẻ em đang đi học, khó khăn lớn nhất là việc hạn chế trong tiếp thu kiến thức tại trường học (52,4%). Theo chia sẻ của các phụ huynh của trẻ em khuyết tật, trẻ hiểu bài chậm hoặc nhanh quên nên khó theo kịp chương trình học tập tại trường so với các bạn khác. Một em khuyết tật đang đi học chia sẻ “Cháu học chung với mấy bạn khác nhưng học chậm hơn nhiều, vì cháu nhanh quên lắm, không nhớ được bài, cứ phải nhắc lại từ từ với hỏi thêm khi cháu học” (PVBCT 04). Theo Nguyễn Xuân Hải (2009), do ảnh hưởng của các khiếm khuyết khác nhau gây nên, hoạt động nhận thức của trẻ khuyết tật thường đòi hỏi nhiều thời gian hơn, cũng như tốc độ chậm hơn so với trẻ em bình thường [7]. Bên cạnh đó, việc di chuyển, đi học khó khăn; kỹ năng giao tiếp hạn chế và tâm lý tự tin cũng là những khó khăn đối với nhóm trẻ em khuyết tật tại địa bàn nghiên cứu với tỷ lệ tương ứng là 23,8%, 19,0% và 9,5% (Bảng 1).

Bảng 1. Một số khó khăn của trẻ em khuyết tật đang đi học (n=33)

| Stt | Khó khăn | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|-----|-------------------------------------|----------|-----------|
| 1 | Việc di chuyển/đi lại khó khăn | 5 | 23,8 |
| 2 | Khả năng tiếp thu kiến thức hạn chế | 11 | 52,4 |
| 3 | Kỹ năng giao tiếp hạn chế | 4 | 19,0 |
| 4 | Trẻ có tâm lý tự ti | 2 | 9,5 |

(Nguồn: Khảo sát thực tế, 2021)

Đối với các trẻ em khuyết tật đã nghỉ học, kết quả trình bày ở Bảng 2 cho thấy việc không theo kịp chương trình tại cơ sở giáo dục (76,2%) là khó khăn chủ yếu dẫn

đến tình trạng thôi học. Một em khuyết tật đã nghỉ học chia sẻ: “*Có những nội dung học khó mà giáo viên cũng không có thời gian kèm cháu mãi được, vì dạy cả lớp chung như vậy, ... hầu như cháu không học được*” (PVBCT 06). Có đến 47,6% trẻ em khuyết tật tại địa bàn nghiên cứu gặp khó khăn trong việc chuyển cấp học như chia sẻ của phụ huynh “*chuyển lên cấp 2 tìm trường phù hợp cho cháu khó nên gia đình đành cho cháu ở nhà, cả xã có được 1 trường cấp hai thôi lại ở xa*” (PVBCT 07). Bản thân trẻ không muốn đi học (19,0%) và hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn (14,3%) cũng là những khó khăn đối với nhóm trẻ em khuyết tật đã thôi học. Kết quả này cho thấy việc trẻ em khuyết tật nghỉ học do các lý do khách quan, bên ngoài như thiếu hỗ trợ từ giáo viên, nhà trường; thiếu cơ hội tìm kiếm các cơ sở giáo dục ở cấp học cao hơn và có thể do sự kỳ thị từ bạn bè ở trường học như chia sẻ của một em khuyết tật về lý do không muốn đi học: “*bị các bạn đánh, em sợ, cũng không thích đi học nữa*” (PVBCT 06).

Bảng 2. Một số khó khăn của trẻ em khuyết tật đã nghỉ học (n=21)

| Stt | Khó khăn | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|-----|-------------------------------------|----------|-----------|
| 1 | Trẻ không theo kịp chương trình học | 16 | 76,2 |
| 2 | Khó khăn trong việc chuyển cấp học | 10 | 47,6 |
| 3 | Trẻ không muốn đi học | 4 | 19,0 |
| 4 | Kinh tế gia đình khó khăn | 3 | 14,3 |

(Nguồn: Khảo sát thực tế, 2021)

Đối với các trẻ em khuyết tật chưa từng đi học, kết quả nghiên cứu trình bày ở bảng 3 cho thấy khó khăn lớn nhất đối với nhóm trẻ chưa từng đi học là việc trẻ không có khả năng học tập, chiếm đến 74,4%. Qua đó cho thấy, phụ huynh của trẻ em khuyết tật không cho trẻ đi học vì lý do chính là con cái của họ không có khả năng học tập. Một phụ huynh tham gia phỏng vấn bán cấu trúc cho rằng việc không đưa con đến trường là do “*Cháu bị khuyết tật nặng. Tui nghĩ cháu không đi học được, vì đi lại, sinh hoạt còn khó khăn thì ráng mà đi học... nên để cháu ở nhà chăm sóc cháu thôi, không biết dạy cháu học, cũng không biết cháu có thể học được không*” (PVBCT 05). Theo quy định, trẻ em khuyết tật nặng là những trẻ mất một phần hoặc suy giảm chức năng dẫn đến một số khó khăn nhất định trong việc thực hiện một số hoạt động hằng ngày hoặc trong học tập, cần có sự chăm sóc, trợ giúp và theo dõi trong quá trình tham gia vào các hoạt động xã hội như học tập, giải trí [8]. Có thể thấy, trẻ em khuyết tật nặng vẫn có thể đi học nếu có sự hỗ trợ phù hợp. Kết quả thống kê mô tả về việc đi học của trẻ em khuyết tật ở địa bàn nghiên cứu cũng cho thấy vẫn có một số trẻ em khuyết tật nặng tham gia học tại các cơ sở giáo dục hoặc trung tâm bảo trợ xã hội.

Việc không tìm được cơ sở giáo dục phù hợp cho trẻ em khuyết tật chiếm tỷ lệ 44,2%. Mặc dù tại địa phương hiện có 59 cơ sở công lập và ngoài công lập đang cung

cấp hoạt động giáo dục chung cho toàn trẻ em trên toàn địa bàn. Tuy nhiên, theo chia sẻ của cán bộ văn hóa-xã hội tại địa phương cho biết “không phải trường nào cũng có điều kiện để tiếp nhận trẻ khuyết tật” (PVBCT 01). Một số gia đình trong nhóm trẻ em khuyết tật chưa từng đi học cho rằng việc gia đình không có khả năng chi trả cho việc học tập và không có người đưa đón trẻ đi học là những khó khăn ảnh hưởng tới việc cho trẻ em khuyết tật đi học của gia đình, chiếm tỷ lệ tương ứng là 11,6% và 7,0% (Bảng 3).

Bảng 3. Một số khó khăn của trẻ em khuyết tật không đi học (n=43)

| Stt | Khó khăn | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|-----|---|----------|-----------|
| 1 | Trẻ không có khả năng học tập | 32 | 74,4 |
| 2 | Gia đình không tìm kiếm được cơ sở giáo dục phù hợp | 19 | 44,2 |
| 3 | Kinh tế gia đình khó khăn | 5 | 11,6 |
| 4 | Gia đình không có người đưa đón trẻ đi học | 3 | 7,0 |

(Nguồn: Khảo sát thực tế, 2021)

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng việc tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật dù đang đi học, đã nghỉ học hoặc chưa từng đi học đều gặp phải một số khó khăn cần phải được hỗ trợ nhằm nâng cao khả năng tiếp cận cho các trẻ em khuyết tật tại địa bàn nghiên cứu. Các khó khăn này chủ yếu đến từ khả năng tiếp nhận kiến thức của trẻ em khuyết tật khi đi học, nhận thức về khả năng học tập của phụ huynh đối với trẻ em khuyết tật và thiếu cơ hội tiếp cận các thông tin về cơ sở giáo dục, và việc thiếu cơ sở giáo dục phù hợp với trẻ em khuyết tật.

3.3. Một số giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật

Dựa trên kết quả nghiên cứu về thực trạng tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật tại địa bàn nghiên cứu và cơ sở pháp lý về quyền của trẻ em khuyết tật, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật tại địa bàn nghiên cứu. Các giải pháp trong bài viết được xây dựng dựa trên quan điểm của Công tác xã hội rằng trẻ em khuyết tật có khả năng học tập và các tổ chức, cơ sở, cá nhân liên quan cần tạo môi trường thuận lợi về thể chế chính sách và dịch vụ hỗ trợ nhằm đảm bảo cho việc tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật.

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống chính sách về giáo dục cho trẻ em khuyết tật

Bên cạnh các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật hiện có, Nhà nước cần bổ sung các cơ chế hướng dẫn thực hiện, phân công phân cấp và xây dựng hệ thống giám sát việc triển khai chính sách ở các cấp nhằm tạo ra hành lang pháp lý chặt chẽ và toàn diện hơn trong việc đảm bảo quyền được học tập, giáo dục của trẻ em khuyết tật.

Đẩy mạnh vai trò của các bộ ngành liên quan trong việc thu thập, quản lý thông tin trẻ em khuyết tật từ Trung ương đến địa phương, làm cơ sở để ban hành các chính sách hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận giáo dục.

Nhà nước cần đảm bảo trẻ em khuyết tật là đối tượng ưu tiên trong kế hoạch phát triển của ngành giáo dục ở tất cả các cấp. Xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện và phân bổ ngân sách cho các địa phương và cơ sở giáo dục thực hiện Thông tư liên tịch số 42 quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính (2013) nhằm đảm bảo cơ sở vật chất và nguồn lực hỗ trợ giáo dục cho trẻ em khuyết tật.

Thứ hai, tăng cường năng lực các cơ sở giáo dục về hỗ trợ giáo dục cho trẻ em khuyết tật

Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết trẻ em đang đi học tại các trường học phổ thông, nhưng gặp khó khăn trong việc tiếp thu bài giảng, do vậy các cơ sở giáo dục cần phải cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng như đội ngũ giáo viên có kiến thức và kỹ năng hỗ trợ giáo dục cho các trẻ em khuyết tật một cách phù hợp.

Theo Thông tư liên tịch số 58 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2012), chính quyền địa phương cần tập trung vào việc quy hoạch mạng lưới và mở rộng hệ thống các cơ sở giáo dục trên địa bàn, cụ thể thành lập Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập nhằm cung cấp biện pháp can thiệp sớm cho trẻ em khuyết tật, cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ giáo dục, tổ chức giáo dục phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh của trẻ em khuyết tật; thành lập các cơ sở giáo dục chuyên biệt tại dựa trên đánh giá khả năng và các nhu cầu của trẻ em khuyết tật hiện nay. Đồng thời, thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục nhằm huy động các lực lượng xã hội, đặc biệt là các tổ chức tư nhân tham gia vào hoạt động cung cấp dịch vụ giáo dục cho trẻ em khuyết tật.

Đối với các cơ sở giáo dục cần có sự điều chỉnh chương trình, phương pháp giảng dạy, cũng như việc quản lý các lớp học để đáp ứng với nhu cầu và khả năng học tập khác nhau của trẻ khuyết tật. Bên cạnh việc xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ giáo viên chính khóa cần ưu tiên tuyển dụng vị trí của nhân viên hỗ trợ giáo dục trẻ khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 19 của Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Nội vụ (2016) nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chuyên môn trong công tác giảng dạy và hỗ trợ trẻ khuyết tật. Ngoài ra, có kế hoạch thành lập Phòng Công tác xã hội và phân công giáo viên, nhân viên phụ trách triển khai các hoạt động công tác xã hội theo Thông tư số 33 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018) để thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ về tâm lý trong quá trình học tập của trẻ khuyết tật, cung cấp thông tin và kết nối các nguồn lực cho trẻ khuyết tật và gia đình có thể tiếp cận giáo dục hiệu quả.

Thứ ba, nâng cao nhận thức và tăng cường thông tin cho gia đình và trẻ em khuyết tật

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn gia đình chưa đánh giá cao về khả năng học tập của trẻ em khuyết tật và bản thân trẻ em cũng chưa hứng thú với việc học tập. Bên cạnh đó, gia đình có trẻ em khuyết tật cũng gặp khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin về các cơ sở giáo dục phù hợp với trẻ em khuyết tật. Vì thế, đối với gia đình, các giải pháp cần tập trung vào việc nâng cao nhận thức của phụ huynh về quyền giáo dục và khả năng học tập của trẻ em khuyết tật; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ để gia đình tiếp cận thông tin và nguồn lực liên quan đến hoạt động giáo dục của trẻ em khuyết tật, cụ thể:

Giáo dục nâng cao nhận thức cho các gia đình về quyền của trẻ em khuyết tật, kiến thức và khả năng học tập của trẻ em khuyết tật. Thành lập các “Câu lạc bộ cha mẹ trẻ khuyết tật”, hoặc các nhóm tương trợ phụ huynh có con khuyết tật dưới sự hỗ trợ của cán bộ xã hội tại cộng đồng. Các phụ huynh được khuyến khích làm việc trực tiếp với nhau thông qua các buổi chia sẻ, trao đổi, truyền đạt kinh nghiệm định kỳ về cách chăm sóc, phương pháp giáo dục trẻ khuyết tật để tạo nên sự tin tưởng, dễ hòa nhập và giúp đỡ lẫn nhau.

Cung cấp các dịch vụ tham vấn cá nhân hoặc nhóm đối với phụ huynh và trẻ em khuyết tật nhằm tư vấn, cung cấp những thông tin về chính sách và chương trình giáo dục, thông tin về cơ sở giáo dục; kết nối các nguồn hỗ trợ tại địa phương hoặc quốc gia để gia đình và trẻ khuyết tật có thể tiếp cận dễ dàng và hiệu quả.

4. KẾT LUẬN

Bài viết đã làm rõ thực trạng tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật tại thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Qua đó, đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao góp phần giải quyết các khó khăn, rào cản mà trẻ em khuyết tật và gia đình đang gặp phải và nâng cao cơ hội tiếp cận giáo dục cho nhóm trẻ đặc biệt này. Bài viết nhấn mạnh đến vai trò của Nhà nước và các tổ chức liên quan trong việc tạo ra môi trường thể chế và thực tiễn phù hợp hơn nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật. Đối với gia đình và trẻ em khuyết tật, các giải pháp tập trung vào nâng cao nhận thức về khả năng học tập của trẻ em khuyết tật cũng như các phương pháp giáo dục trẻ em khuyết tật tại gia đình và cộng đồng.

Kết quả nghiên cứu trình bày trong bài viết chỉ là một nghiên cứu trường hợp ở quy mô nhỏ, vì thế chưa phản ánh đầy đủ bức tranh về thực trạng tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật trong thực tiễn. Để góp phần bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật và đạt được các mục tiêu đề ra trong các chương trình hỗ trợ người khuyết tật, cần có các nghiên cứu sâu quy mô rộng và sâu hơn về thực trạng và các giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật. Các nghiên

cứu cũng cần tập trung vào việc đánh giá tính khả thi của các giải pháp với mức độ đáp ứng nhu cầu tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật trên thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thanh Bình (2013). "Những rào cản chất lượng học tập của trẻ khuyết tật ở Việt Nam", *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Nghiên cứu Giáo dục*, tr. 64-71.
- [2]. Lê Thị Anh Đào (2018). Quyền được giáo dục theo quy định của luật quốc tế và cơ chế đảm bảo thực hiện, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, tr.25-34.
- [3]. Phạm Thị Ái Đông (2019). *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận giáo dục của học sinh khuyết tật tại thành phố Đà Nẵng*, NXB Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [4]. Chính phủ (2012). *Quyết định phê duyệt "Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020"*, website: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyết-dinh-711-OD-TTg-nam-2012-Chien-luoc-phat-trien-giao-duc-2011-2020-141203.aspx>.
- [5]. Chính phủ (2018). *Quyết định 1438/QĐ-TTg hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2018-2025*, website: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>.
- [6]. Chính phủ (2019). *Quyết định 1190/QĐ-TTg Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021 – 2030*, website: <https://luatvietnam.vn/chinh-sach/quyet-dinh-1190-qd-ttg-chuong-trinh-tro-giup-nguoi-khuyet-tat-giai-doan-2021-2030-188135-d1.html>.
- [7]. Nguyễn Xuân Hải (2009). *Giáo dục học trẻ khuyết tật*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [8]. Quốc hội (2010), *Luật người khuyết tật*, website: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Luat-nguoi-khuyet-tat-2010-108081.aspx>.
- [9]. Tổng cục thống kê Việt Nam (2016). *Điều tra Quốc gia người khuyết tật năm 2016*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [10]. Thu Trang (2015). *Tăng cường huy động trẻ khuyết tật đến trường*, website: <http://daidoanket.vn/xa-hoi/tang-cuong-huy-dong-tre-khuyet-tat-den-truong-tintuc79870>.

**THE SITUATION AND SOLUTION TO ENHANCE
THE ACCESS TO EDUCATION OF CHILDREN WITH DISABILITIES
IN HUONG THUY TOWN, THUA THIEN HUE PROVINCE**

Truong Thi Xuan Nhi

Faculty of Sociology and Social work, University of Sciences, Hue University

Email: nhitruong@husc.edu.vn

ABSTRACT

A case study in Huong Thuy town, Thua Thien Hue province describes the reality of accessing education and suggests some solutions to improve educational accessibility for children with disabilities. Research results show that the attendance rate for children with disabilities is low. In the process of accessing education, children with disabilities face many challenges including personal characteristics, family perceptions of their learning abilities, and the educational institution system's inadequate response. Solutions are centered on improving the national policy system for the education of children with disabilities, expanding the network of educational institutions, adjusting educational programs and teaching methods, providing information and raising awareness for families about the learning ability and educational rights of children with disabilities.

Keywords: education, access to education, children with disabilities



Truong Thị Xuân Nhi sinh ngày 26/09/1995 tại Quảng Trị. Cô tốt nghiệp cử nhân ngành Công tác xã hội tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế năm 2017. Hiện nay, cô công tác tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, và đang học chương trình cao học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Công tác xã hội với trẻ em.

